TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 03/8/2023.
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Hồng Thắm;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Quốc Tiến;

2. Bà Nguyễn Thị Phượng;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Kim Xoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 325/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 275/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thanh K**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp Tân T, xã Mỹ H, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Hiện sinh sống: ấp Đông M, xã Mỹ H, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng V**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp Tân T, xã Mỹ H, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2023; Biên bản không tiến hành hòa giải được 05/7/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm chị Lê Thanh K là nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh V kết hôn với nhau năm 1993, do không hiểu biết pháp luật nên quá trình chung sống vợ chồng không có đăng ký

kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng thời gian sau thì giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 01/2023 đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị Lê Thanh K yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng V.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Kiều Phi Y, sinh ngày 05/8/1995 và Nguyễn Hoàng Tam C, sinh ngày 10/3/1999. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là anh Nguyễn Hoàng V đã được được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Lê Thanh K có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng V. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn"*.

Anh Nguyễn Hoàng V là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: ấp Tân T, xã Mỹ H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Hoàng V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Hoàng V.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị K và anh V chung sống với nhau vào năm 1993 và không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, chị K và anh V có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Nay, đời sống chung giữa chị K và anh V phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 01/2023 đến nay. Thời gian ly thân không ai có ý định hàn gắn tình vợ chồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2

Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị Lê Thanh K và anh Nguyễn Hoàng V là vợ chồng.

- **Về con chung**: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Kiều Phi Y, sinh ngày 05/8/1995 và Nguyễn Hoàng Tam C, sinh ngày 10/3/1999. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung**: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung**: Vợ chồng không nợ ai, cũng không cho ai nợ.

- **Về án phí**: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị K phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị K đã nộp theo biên lai số 0000950 ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thanh K.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thanh K và anh Nguyễn Hoàng V là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị K và anh V có 02 con chung tên Nguyễn Kiều Phi Y, sinh ngày 05/8/1995 và Nguyễn Hoàng Tam C, sinh ngày 10/3/1999. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Lê Thanh K phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000950 ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Trần Hồng Thắm